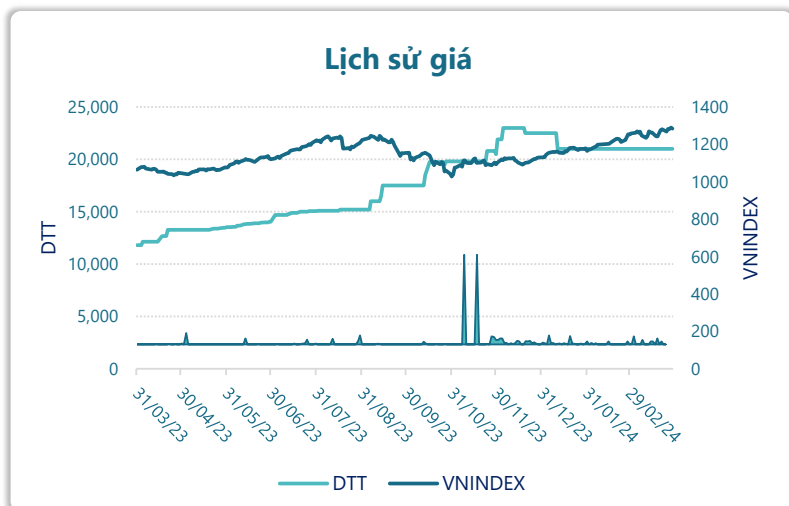


CTCP Kỹ nghệ Đô Thành (HSX: DTT)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	21,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,807
SL cổ phiếu LH	8,151,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
P/E	17.0
EPS	1,236

DT thuần
Q1/24

44.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.60 | -3.5%

YoY: ▲ 5.50 | 14.0%

LN sau thuế
Q1/24

2.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.09 | 3.2%

YoY: ▲ 1.18 | 72.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2023

7.3%

+/- YoY: ▲ 0.5%

DT thuần
2023

171

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.0 | -8.5%

LN sau thuế
2023

8.50

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.72 | -7.7%

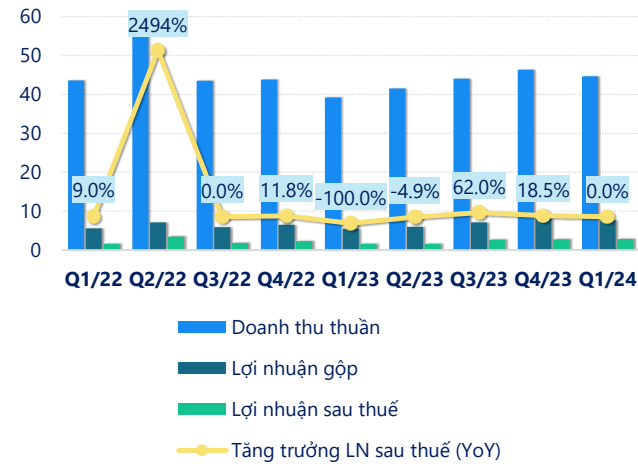
ROE
2023

6.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

tỷ VNĐ

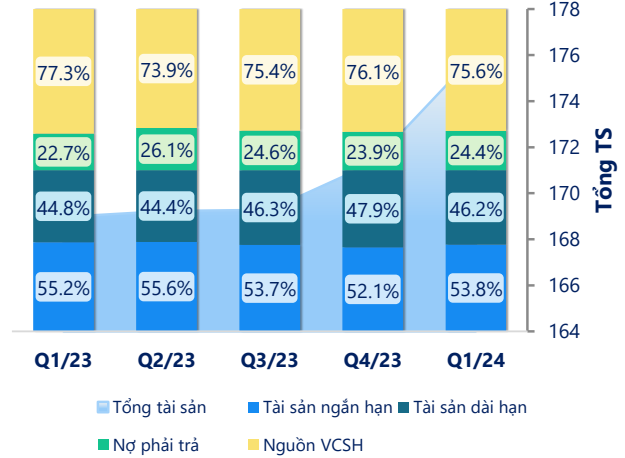
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

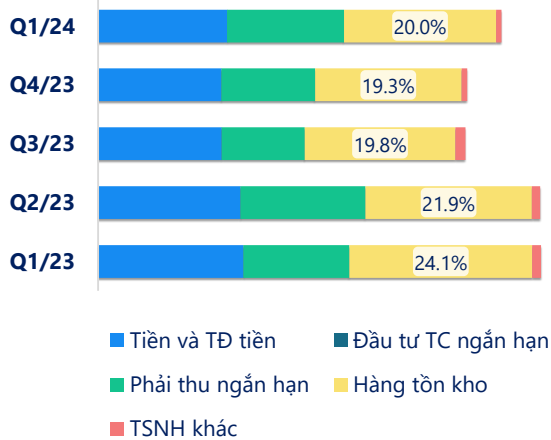
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



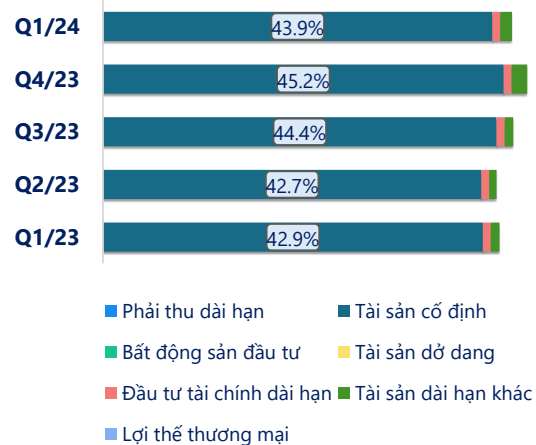
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

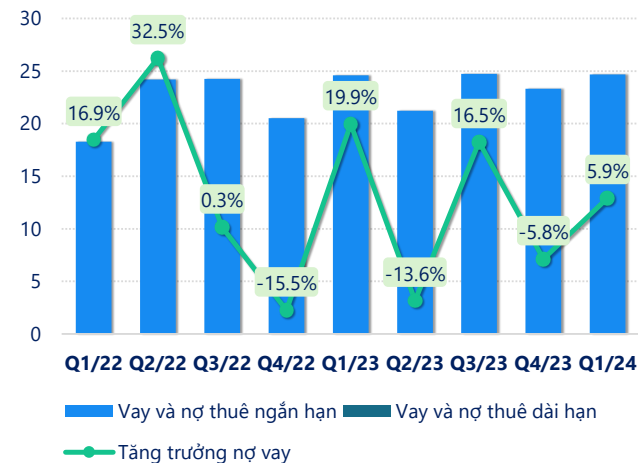
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

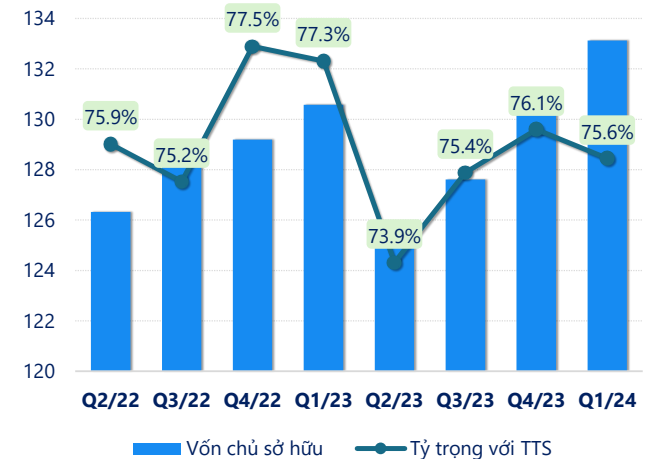
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

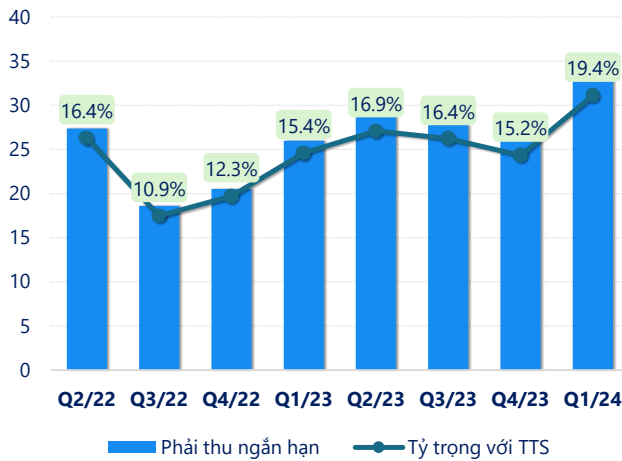
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



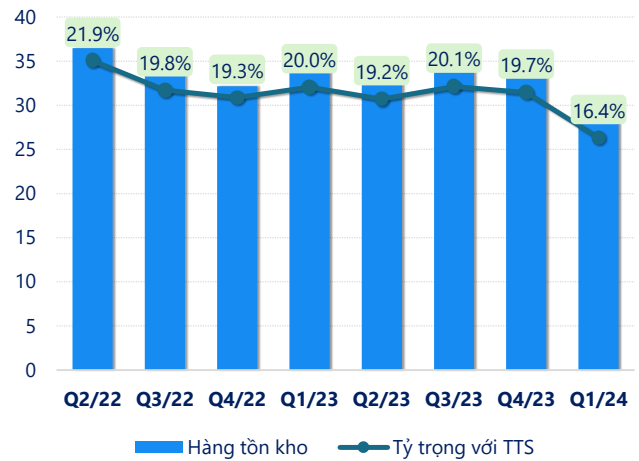
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


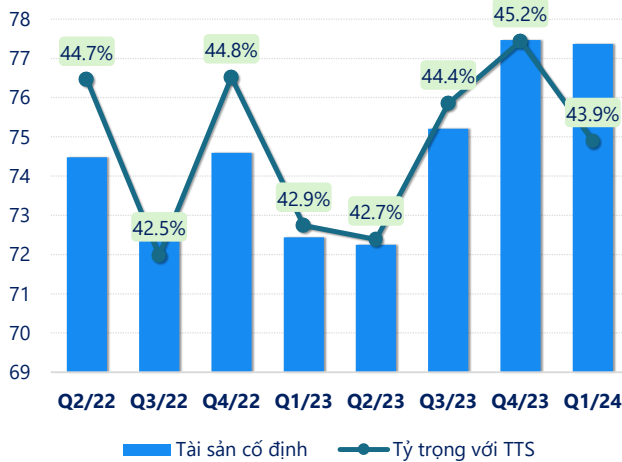
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


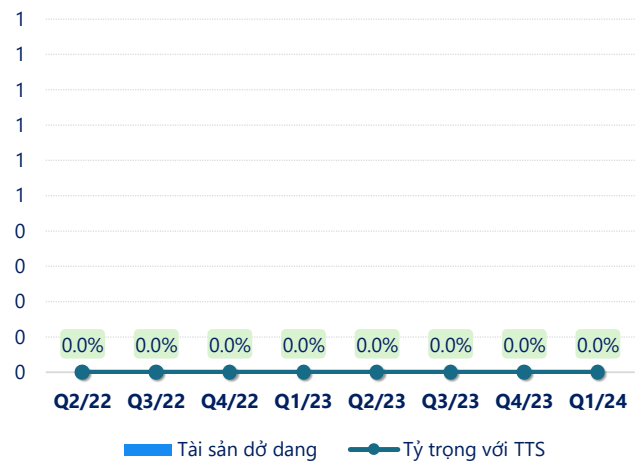
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

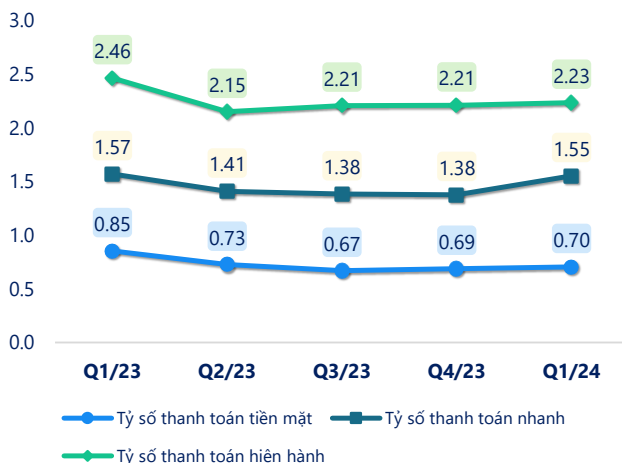
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

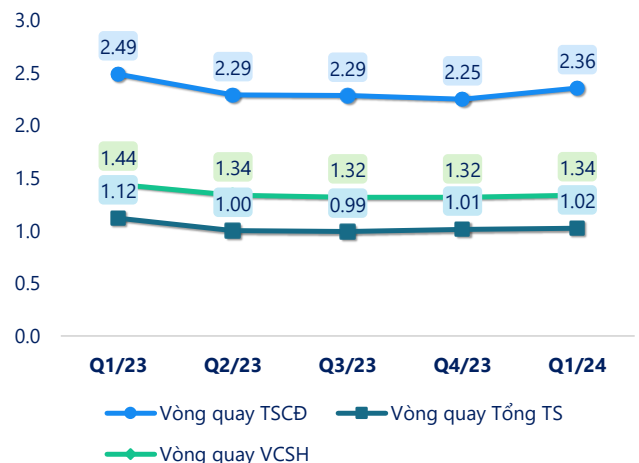
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	169	169	169	171	176
Tài sản ngắn hạn	93.3	94.1	90.9	89.3	94.8
Tiền và tương đương tiền	32.3	31.7	27.6	27.8	29.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	26.0	28.7	27.7	26.0	34.2
Hàng tồn kho	33.9	32.5	34.0	33.7	29.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.17	1.17	1.61	1.76	1.71
Tài sản dài hạn	75.6	75.2	78.4	82.0	81.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	72.4	72.3	75.2	77.5	77.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.50	1.50	1.50	1.50	1.50
Tài sản dài hạn khác	1.69	1.42	1.67	3.04	2.39
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	38.4	44.3	41.7	40.9	42.9
Nợ ngắn hạn	37.9	43.7	41.2	40.4	42.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.6	21.2	24.7	23.3	24.7
Phải trả người bán ngắn hạn	6.17	6.50	7.89	7.82	8.28
Nợ dài hạn	0.51	0.51	0.51	0.51	0.51
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	131	125	128	130	133
Vốn chủ sở hữu	131	125	128	130	133
Vốn điều lệ	81.5	81.5	81.5	81.5	81.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)